

DANH SÁCH CÁC ĐỀ TÀI CẤP BỘ THỰC HIỆN TỪ NĂM 2000 – 2005

TT	Chủ nhiệm đề tài	Tên đề tài	Đơn vị	Thời gian
2000				
1.	Lê Anh Phụng B2000-21-56	Khảo sát khả năng hấp thụ độc tố Aflatoxin trong khẩu phần nuôi dưỡng vịt CV Supermeat 0-8 tuần tuổi của chất Mycosurb (Esterifiel Gluco-mannan).	CNTY	12/99- 12/2000
2.	Lê Bá Toàn B2000-21-57	Đánh giá các hệ thống canh tác nông lâm ngư nghiệp nông hộ rừng ngập mặn và khảo nghiệm hệ thống canh tác bền vững tại rừng ngập mặn huyện Ngọc Hiển, Cà Mau.	LN	1/2000- 12/2001
3.	Đặng Đình Bôi B2000-21-58	Vai trò của các lâm sản phụ đối với đời sống một cộng đồng tại huyện Đạ Hoai, Lâm Đồng .	LN	1/2000- 12/2001
4.	Nguyễn Ngọc Kiêng B2000-21-59	Tập đoàn côn trùng hại rừng Tràm ở Long An: đặc điểm và cách phòng chống.	LN	12/99- 12/2001
5.	Trần Thị Thanh B2000-21-60	Nghiên cứu thiết kế chế tạo máy nghiền siêu mịn một số hạt lương thực và vật liệu khô rời.	CK	1/2000- 12/2001
6.	Nguyễn Văn Sở B2000-21-61	Nghiên cứu đặc điểm hạt giống và kỹ thuật gây trồng các loài cây gỗ bản địa ở phía nam Việt Nam.	LN	1/2000- 1/2003
7.	Trương Mai Hồng B2000-21-62	Nghiên cứu nhân giống vô tính cây cẩm lai bằng phương pháp giâm hom.	LN	12/99- 12/2001
8.	Nguyễn Văn Thêm B2000-21-63	Nghiên cứu Kỹ thuật gieo ươm Dầu song nàng (<i>Dipterocarpus dyerii</i>) phục vụ trồng rừng gỗ lớn ở Đông Nam Bộ.	LN	2/2000- 8/2003
9.	Từ Thị Mỹ Thuận B2000-21-64	Nghiên cứu bệnh thán thư hại quả ớt tại TP. HCM	NH	6/2000 6/2002
10.	Trần Thị Thiên An B2000-21-65	Nghiên cứu đặc điểm sinh học và biện pháp phòng trừ ruồi hại lá <i>Liriomyza</i> sp. trên một số cây rau ở TP. HCM	NH	11/99- 11/2002
11.	Trần Sơn B2000-21-66	Nghiên cứu gây trồng cây gỗ mọc nhanh, đường kính lớn có giá trị kinh tế của Việt Nam	LN	4/2000- 4/2002
12.	Lê Văn Hùng B2000-21-67	Khảo sát tình trạng vệ sinh thịt gia súc, gia cầm tại các lò mổ trên các quầy bán thịt ở các chợ khu vực TP. HCM và những tình phụ cận đề xuất các biện pháp xử lý	CNTY	12/99- 12/2001
13.	Trần Thị Dân B2000-21-68	Đánh giá sự phát triển của dịch bò đực và tình trạng tốt/hư hại của tinh trùng trong tinh dịch bò đực, tinh bò đông viên cũng như trong tinh dịch heo đực tại Tp. HCM	CNTY	1/2000- 12/2001
14.	Lê Hữu Khương B2000-21-69	Thành phần giun sán ký sinh trên chó ở các tỉnh phía Nam và biện pháp phòng trừ bằng thuốc.	CNTY	1/2000- 1/2002
15.	Hồ Thị Kim Hoa B2000-21-70	Khảo sát tình trạng vệ sinh nguồn nước trong các lò giết mổ và các xí nghiệp chăn nuôi gia súc, gia cầm, áp dụng một số biện pháp xử lý và bảo vệ nguồn nước.	CNTY	1/2000- 1/2002
16.	Đình Trung Chánh B2000-21-71	Nghiên cứu sự sinh trưởng của cây Tràm hương (<i>Aquilaria crassna</i>) trong giai đoạn vườn ươm.	TT. Môi trường	1/2000- 12/2001
17.	Nguyễn Hữu Nam B2000-21-72	Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các máy chế biến, bảo quản các sản phẩm từ trái cây phù hợp ở qui mô nhỏ và vừa ở các vùng cây ăn trái tại TP. HCM và các tỉnh xung quanh.	BQ&CB NSTP	10/1999- 10/2001
18.	Giang Văn Thắng	Trồng thử nghiệm một số loài cây đặc hữu trên vùng đất	LN	10/1999-

TT	Chủ nhiệm đề tài	Tên đề tài	Đơn vị	Thời gian
	B2000-21-73	phèn Bình Chánh, TP.HCM.		10/2001
19.	Trang Thị Huy Nhất B2000-21-74	Nghiên cứu một số biện pháp chủ yếu để nâng cao khả năng sản xuất và tiêu thụ rau sạch (rau an toàn) ở Tp. HCM.	KT	6/2000- 6/2001
20.	Phan Hiếu Hiền B2000-21-75TĐ	Nghiên cứu và triển khai các hệ thống máy sấy để giảm tổn thất sau thu hoạch và nâng cao chất lượng nông sản ở ĐBSCL và miền ĐNB.	CK	2000-2003
21.	Bùi Văn Miên B2000-21-76TĐ	Nghiên cứu công nghệ và phát triển các sản phẩm mới có chất lượng từ nguồn nguyên liệu cá giá thấp tại Việt Nam.	BQ&CB	2000-2001
2001				
22.	Trịnh Trường Giang B2001-21-01-TĐ	Xây dựng cơ sở dữ liệu Nông lâm ngư nghiệp cho miền Đông Nam Bộ (thử nghiệm trên 2 tỉnh Đồng Nai, Bình Thuận).	TTTH	6/2001- 6/2003
23.	Huỳnh Thị Bạch Yên B2001-21-02	Xác định hằng số sinh lý, sinh hóa máu /nước tiểu của chó và heo để ứng dụng trong chuẩn đoán lâm sàng.	CNTY	6/2001- 6/2003
24.	Nguyễn Ngọc Hải B2001-21-03	Nghiên cứu vaccine phòng bệnh phù đầu do <i>E.coli</i> gây ra trên heo cai sữa.	CNTY	11/2000- 11/2002
25.	Lâm Thị Thu Hương B2001-21-04	Điều tra tỉ lệ nhiễm một số loài cầu trùng đường ruột (<i>Isospora, Eimeria, Cryptosporidium</i>) trên heo con, bê nghé và thử nghiệm một số dược phẩm để phòng và điều trị.	CNTY	6/2001- 12/2002
26.	Võ Thị Tuyết B2001-21-05	Ứng dụng kỹ thuật PCR để phát hiện PRLR gen trên một số giống heo ở xí nghiệp chăn nuôi heo tại Tp. HCM.	CNTY	6/2001- 12/2002
27.	Nguyễn Thượng Hiền B2001-21-06	Xây dựng vườn sưu tập 50 loài cây gỗ tiêu biểu của khu vực Đông Nam Bộ để phục vụ giảng dạy và học tập môn cây rừng và sinh thái rừng.	LN	16/2001- 6/2003
28.	Bùi Việt Hải B2001-21-07	Xây dựng biểu sinh trưởng ở vùng trồng keo lá tràm cung cấp nguyên liệu giấy ở khu vực Đồng Nai và Bà Rịa Vũng Tàu.	LN	1/2001- 12/2002
29.	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt B2001-21-08	Xác định tuổi khai thác hợp lý của cây Keo lá tràm nguyên liệu giấy ở vùng Đông Nam Bộ.	LN	1/2001- 4/2002
30.	Phạm Trịnh Hùng B2001-21-09	Ứng dụng GIS trong quản lý tài nguyên rừng tại lâm trường Đơn Dương huyện Đơn Dương tỉnh Lâm Đồng.	LN	6/2001- 6/2003
31.	Lê Thanh Hùng B2001-21-10	Khảo sát khả năng sử dụng Protein thực vật của cá Basa.	TS	6/2001- 6/2003
32.	Lê Thị Bình B2001-21-11	Nghiên cứu thiết lập quy trình sản xuất giống nhân tạo cá thát lát (<i>Notopterus notopterus</i>).	TS	4/2001- 4/2002
33.	Nguyễn Phú Hòa B2001-21-12	Điều tra ảnh hưởng của việc sử dụng nước thải trong nuôi trồng thủy sản và sức khỏe phụ nữ tham gia sản xuất thủy sản ở huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.	TS	5/2001- 5/2002
34.	Phạm Thanh Bình B2001-21-13	Thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại tại tỉnh Đồng Nai.	KT	6/2001- 6/2002
35.	Thái Anh Hòa B2001-21-14	Nghiên cứu thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi tại Tp. HCM.	KT	4/2001- 6/2002
36.	Trần Thị Út B2001-21-15	Kinh nghiệm bước đầu việc sản xuất lúa lai tại Việt Nam – đánh giá kinh tế, xã hội.	KT	3/2001- 3/2002

TT	Chủ nhiệm đề tài	Tên đề tài	Đơn vị	Thời gian
37.	Nguyễn Hay B2001-21-16	Nghiên cứu nâng cao hiệu quả sử dụng lò sấy thuốc lá 5x6 (3,5 tấn/m ²).	TT. NLN	6/2001- 6/2003
38.	Bùi Ngọc Hùng B2001-21-17	Nghiên cứu thiết kế chế tạo máy nghiền trong công nghệ sản xuất thức ăn viên cho tôm, cá.	CK	6/2001- 6/2003
39.	Từ Bích Thủy B2001-21-18	Chọn giống đậu nành trung bình ngày năng suất khá để đưa vào cơ cấu luân canh tăng vụ	NH	2001-2003
40.	Đặng Thị Huyền Khuyên B2001-21-19	Nghiên cứu một số biện pháp (giống, thời vụ) thâm canh tăng năng suất bông trên vùng đất xám Thủ Đức – TP.HCM và Long Thành – Đồng Nai.	NH	6/2001- 6/2003
41.	Trần Văn Lợi B2001-21-20	Nghiên cứu ứng dụng ghép tán tạo tổ hợp cây cao su 3 phần nhằm chống gió gây đổ ngã và phòng ngừa 1 số nấm bệnh gây hại trên thân và cành.	NH	6/2001- 6/2003
42.	Trần Tấn Việt B2001-21-21	Xử lý chất thải hữu cơ bằng kỹ thuật chuyển hóa sinh học	NH	4/2001- 4/2002
43.	Lê Đình Đôn B2001-21-22-TĐ	Ứng dụng công nghệ sinh học trong n/c chọn lọc các dòng vi khuẩn có ích và sử dụng chúng trong phòng trừ dịch hại cây trồng nông nghiệp.	NH	10/2001- 10/2003
2002				
44.	Nguyễn Ngọc Tuấn B2002-21-23-TĐ	Ứng dụng Kỹ thuật PCR trong chọn lọc các dòng/giống heo nhiều nạc, mắn đẻ tại các tỉnh phía Nam.	CNTY	6/2002- 6/2004
45.	Đình Quang Diệp B2002-21-24-TĐ	Nghiên cứu quản lý tài nguyên thiên nhiên vùng cao dựa vào cộng đồng ở một cộng đồng Châu Mạ vùng nam Tây Nguyên.	Lâm nghiệp	6/2002- 6/2004
46.	Lê Văn Thọ B2002-21-25	Nghiên cứu phương pháp mổ nội ruột ở gia súc.	CNTY	6/2002- 6/2004
47.	Nguyễn Lê Hưng B2002-21-26	Nghiên cứu quy trình chế biến bột đậu nành và bột trái cây (các sản phẩm nho và chuối) bằng kỹ thuật sấy phun trào.	CNTP	6/2002- 6/2004
48.	Lê Quốc Tuấn B2002-21-27	Xử lý nước thải sinh hoạt bằng kỹ thuật tưới ngầm.	CNMT	6/2002- 12/2003
49.	Lê Thị Bình B2002-21-28	Điều tra thành phần loài tôm phân bố ở sông Đồng Nai	Thủy sản	6/2002- 6/2004
50.	Đình Trung Chánh B2002-21-29	Nghiên cứu tạo trầm hương trên cây Dó Bầu (<i>Aquilaria crassana</i>) bằng phương pháp vi sinh và hoá học.	TTMT	6/2002- 6/2004
51.	Nguyễn Vinh Quy B2002-21-30	Khảo sát phương pháp tối ưu để xác định Arsenic (As) trong đất. ứng dụng xác định As trong đất ở một số khu vực thuộc Tp.HCM	CNMT	6/2002- 12/2003
52.	Phạm Tuấn Anh B2002-21-31	Nghiên cứu phương pháp bảo quản trái cây bằng cách xử lý với Canxi .	CNTP	6/2002- 6/2004
53.	Bùi Xuân An B2002-21-32	Nghiên cứu xây dựng quy trình quản lý môi trường với sự tham gia của cộng đồng phường nghề chăn nuôi, Biên Hòa, Đồng Nai.	CNMT	6/0002- 6/2003
54.	Nguyễn Văn Phát B2002-21-33	Một số biện pháp làm giảm tỉ lệ viêm vú tiềm ẩn trên bò sữa.	CNTY	6/2002- 6/2004
55.	Đỗ Hiếu Liêm B2002-21-34	Áp dụng một số phương pháp chẩn đoán sự mang thai và rối loạn sinh sản trên chó cái.	CNTY	6/2002- 6/2004
56.	Trịnh Thị Bích Hợp B2002-21-35	Chọn giống khoai lang, chuyển giao giống mới đối với hộ nông dân vùng trồng khoai lang ở miền Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long	TTNLN	6/2002- 12/2003
57.	Nguyễn Thị Phước	Bệnh viêm phổi địa phương (<i>Mycoplasmosis</i>) ở một số	CNTY	6/2002-

TT	Chủ nhiệm đề tài	Tên đề tài	Đơn vị	Thời gian
	Ninh B2002-21-36	xí nghiệp chăn nuôi heo công nghiệp.		6/2004
58.	Nguyễn Thị Chất B2002-21-37	Nghiên cứu rệp sáp <i>Coccinea</i> , phổ ký chủ của chúng và biện pháp phòng trị trên cây ăn trái và cây công nghiệp tại địa bàn TPHCM và một số tỉnh miền Đông Nam Bộ.	Nông học	6/2002- 6/2004
59.	Vũ Thị Nga B2002-21-38	Nghiên cứu thiên địch của sâu hại chính trên cây măng cầu xiêm và hướng sử dụng tại địa bàn TPHCM.	TTNLN	6/2002- 12/2003
60.	Trần Thị Dân B2002-21-39	Phát hiện <i>Mycoplasma hyopneumonia</i> và <i>Actinobacillus pleuropneumonia</i> trên heo bằng kỹ thuật PCR	CNTY	6/2002- 6/2004
61.	Lâm Minh Thuận B2002-21-40	Xây dựng mô hình công nghệ giống đối với gà tàu vàng .	CNTY	6/2002- 6/2004
62.	Lê Đăng Đanh B2002-21-41	Nghiên cứu ủ chua thân cây bắp sau khi thu hoạch hạt với một số chất phụ gia trong túi nylon.	CNTY	6/2002- 6/2004
2003				
63.	ThS. Đinh Ngọc Loan B2003-21-42	Đa dạng hoá các dạng sản phẩm rau đóng hộp tiện dụng phục vụ vùng hải đảo.	CNTP	6/2003 6/2004
64.	TS. Hứa Thị Huân B2003-21-43	Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo thuyền tre	LN	6/2003 12/2004
65.	TS. Phạm Ngọc Nam B2003-21-44	Nghiên cứu công nghệ phát triển sản xuất ván nhân tạo từ gỗ cây điều ở vùng Đông Nam bộ	LN	6/2003 6/2005
66.	ThS. Ngô Văn Ngọc B2003-21-45	Nghiên cứu thiết lập qui trình sản xuất giống cá chim trắng (<i>Colossoma macropomum</i>)	TS	6/2003 6/2005
67.	TS. Hoàng Thị Thanh Hương B2003-21-46	Nghiên cứu công nghệ sản xuất các sản phẩm trang trí nội thất từ tầm vòng và lồ ô	LN	6/2003 6/2005
68.	ThS. Lê Hữu Trung B2003-21-47	Tìm hiểu thực trạng, triển vọng và giải pháp của việc phát triển các mô hình hệ thống canh tác trong vườn dừa tại tỉnh Bến Tre.	NH	6/2003 12/2004
69.	ThS. Trương Mai Hồng B2003-21-48	Nghiên cứu xác định bản chất tồn trữ của 10 loại hạt cây rừng phía Nam nhằm phục vụ công tác bảo tồn nguồn gen cây rừng ở Việt Nam	LN	6/2003 6/2005
70.	ThS. Nguyễn Anh Trinh B2003-21-49	Nghiên cứu tận dụng phụ phẩm của các xí nghiệp chế biến thủy sản để tạo ra một số sản phẩm mới và ứng dụng trong bảo quản sản phẩm thủy sản.	CNTP	6/2003 12/2004
71.	TS. Nguyễn Ngọc Kiểng B2003-21-50	Đặc điểm các loài mối phá hại cây trồng Nông Lâm nghiệp ở các tỉnh Đông Nam bộ và biện pháp phòng chống.	LN	6/2003 12/2004
72.	TS. Lê Quang Hưng B2003-21-51	Nghiên cứu chất lượng nông sản sạch các cây công nghiệp xuất khẩu ở miền Đông Nam bộ.	NH	6/2003 6/2005
73.	ThS. Nguyễn Cửu Tuệ B2003-21-52	Khảo sát hiện trạng ô nhiễm nước mặt trên địa bàn quận Thủ Đức và quận 9 do nước thải từ các hoạt động công nghiệp và khu dân cư tập trung gây ra.	CNMT	1/2003 7/2004

TT	Chủ nhiệm đề tài	Tên đề tài	Đơn vị	Thời gian
74.	ThS. Nguyễn Văn Hiển B2003-21-53	Nghiên cứu công nghệ và thiết kế chế tạo mô hình xử lý khí SO ₂ , có lẫn bụi (nếu có) bằng phương pháp khô.	CNMT	1/2003 6/2004
75.	ThS. Hoàng Thị Thùy B2003-21-54	Nghiên cứu các công cụ quản lý môi trường trong các khu công nghiệp của tỉnh Đồng Nai và Tp. Hồ Chí Minh. Hiện trạng và xu hướng.	CNMT	6/2003 6/2004
76.	TS. Bùi Huy Như Phúc B2003-21-55	Nghiên cứu công thức tính nhanh các giá trị năng lượng tiêu hóa của thức ăn gia súc dạ dày đơn bằng phương pháp In-vitro	CNTY	6/2003 12/2004
77.	TS. Nguyễn Công Vũ B2003-21-56	Nghiên cứu triển khai phương pháp thiết kế phần mềm hiện đại trong giai đoạn đầu đào tạo ngành công nghệ thông tin	CNTT	6/2003 6/2005
78.	ThS. Hồ Thị Nguyệt Thu B2003-21-57	Tối ưu hóa quá trình chế biến sản phẩm nem chua truyền thống tại miền Nam Việt Nam	CNTP	6/2003 6/2005
79.	ThS. Cao Xuân Tài B2003-21-58	Xây dựng mô hình ứng dụng cỏ Vetiver để chống sạt lở cho kênh mương cũng như bảo vệ đất nông nghiệp và nghiên cứu sử dụng cỏ Vetiver để làm nguyên liệu giấy.	TT. CGKHKT	6/2003 6/2005
80.	PGS.TS. Bùi Văn Miên B2003-21-59-TĐ	Khảo sát và hệ thống hoá các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm thịt, cá - mức độ vệ dụng các tiêu chuẩn tại các nhóm doanh nghiệp chế biến thịt, cá tại Tp. HCM và định hướng bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm	P. QLKH	4/2003 12/2004
2004				
81.	TS. Nguyễn Hay B2004-21-60	Nghiên cứu công nghệ sấy lạnh một số nông sản Việt Nam	CK	2004
82.	TS. Phan Hiếu Hiển B2004-21-61	Nghiên cứu sử dụng phụ phẩm củi vụn để sản xuất năng lượng cơ điện phục vụ cơ giới hoá và công nghiệp hoá ở các vùng sâu, vùng xa	CK	2004 2005
83.	TS. Nguyễn Như Nam B2004-21-62	Nghiên cứu công nghệ và thiết kế, chế tạo các máy chính cho dây chuyền chế biến thức ăn cho chăn nuôi ĐGS trong nước và xuất khẩu	CK	2003 2005
84.	TS. Bùi Xuân An B2004-21-63	Nghiên cứu hoàn thiện mô hình nông nghiệp tổng hợp vừa và nhỏ, bền vững trong vùng kinh tế miền Đông Nam bộ	CNMT	2004 2005
85.	TS. Trương Vĩnh B2004-21- 64	So sánh việc sản xuất men bánh mì bằng phương pháp sấy phun, sấy tầng sôi và sấy thăng hoa	BM.CNHH	2004 2006
86.	ThS. Phạm Hữu Yên Phương B2004-21-65	Nghiên cứu chế biến một số sản phẩm có giá trị từ thịt Vịt	CNTY	2004 2005
87.	ThS. Trần Thị Bích Liên B2004-21-66	Khảo sát kháng thể mẹ truyền và xác định lứa tuổi nhiễm virus gây bệnh rối loạn sinh sản và hô hấp (PRRS) trên heo	CNTY	2004 2006
88.	ThS. Lâm Quang Ngà B2004-21-67	Điều tra tỷ lệ nhiễm virus cúm heo (Swine influenza virus) trên heo và công nhân chăn nuôi tại 3 xí nghiệp chăn nuôi heo công nghiệp ở Tp. HCM	CNTY	2004 2006
89.	TS. Nguyễn Ngọc Hải B2004-21-68	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật PCR (Polymerase Chain Reaction) trong chẩn đoán hội chứng rối loạn sinh sản và hô hấp (PRRS) trên heo	CNTY	2004 2006
90.	TS. Nguyễn Văn Khanh B2004-21-69	Ứng dụng kỹ thuật nuôi cấy tế bào để chẩn đoán virus gây bệnh trên heo	CNTY	2004 2006

TT	Chủ nhiệm đề tài	Tên đề tài	Đơn vị	Thời gian
91.	TS. Nguyễn Như Pho B2004-21-70	Khảo sát tác dụng thay thế kháng sinh của Probiotic trong việc phòng ngừa bệnh tiêu chảy	CNTY	2003 2004
92.	BSTY. Hồ Thị Nga B2004-21-71	Khảo sát số lượng bạch cầu tham gia hoạt động miễn dịch tên heo có bệnh tích phổi	CNTY	2004 2006
93.	TS. Võ Thị Tuyết B2004-21-72	Khảo sát ảnh hưởng của Prolactin receptor gene trên năng suất sinh sản của heo giống Landrace	CNTY	2004 2004
94.	TS. Đặng Đình Bôi B2004-21-73	Nghiên cứu các giải pháp sử dụng tối ưu cây Đước và cây Tràm khai thác ở rừng ngập mặn Cà Mau	LN	2004 2005
95.	TS. Nguyễn Văn Hùng B2004-21-74	Nghiên cứu xây dựng mô hình dây chuyền giết mổ gia cầm qui mô vừa và nhỏ phục vụ cho nhu cầu giết mổ gia cầm hợp vệ sinh tại TP. HCM.	CNTP	2004 2006
96.	ThS. Lê Bá Toàn B2004-21-75	Hiện trạng và giải pháp canh tác kết hợp rừng đước với nuôi tôm quảng canh cải tiến theo hướng bền vững tại huyện Ngọc Hiển - Tỉnh Cà Mau	LN	2004 2005
97.	KS. Trần Thế Phong B2004-21-76	Bệnh thối cổ rễ Thông 3 lá trong các vườn ươm Thông ba lá ở Lâm Đồng và Kon Tum - Đặc điểm và biện pháp phòng chống	LN	2004 2006
98.	ThS. Nguyễn Thị Aành Nguyệt B2004-21-77	Nghiên cứu định danh và định hướng sử dụng cho 50 loài cây gỗ rừng ở Việt Nam	LN	
99.	ThS., Nguyễn Văn Dong B2004-21-78	Nghiên cứu khả năng ngăn cản nước mưa của các kiểu rừng tự nhiên, rừng trồng và một số mô hình nông lâm kết hợp.	LN	2004 2005
100.	ThS. Nguyễn Kim Lợi B2004-21-79	Ứng dụng toán tin học xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ việc ra quyết định (DSS) trong quản lý lưu vực sông Đồng Nai	LN	2004 2006
101.	KS. Nguyễn Anh Vinh B2004-21-80	Bệnh rơm lá Thông ba lá ở Lâm Đồng - Đặc điểm và biện pháp phòng chống	LN	2004 2005
102.	TS. Đặng Minh Phương B2004-21-81	Nghiên cứu khuynh hướng biến động cung và cầu của ngành cá Việt Nam, giai đoạn 2005 - 2015	TS	2004 2005
103.	TS. Phan Thị Giác Tâm B2004-21-82	Đánh giá hiệu quả của hệ thống phân phối rau sản xuất tại Đà Lạt	KT	2004 2005
104.	TS. Đào Thị Gọn B2004-21-83	Nghiên cứu ứng dụng phương pháp định giá đất trên địa bàn Tp. Vũng Tàu	QLĐĐ	2004 2006
105.	TS. Bùi Minh Trí B2004-21-84 TĐ	Nghiên cứu tính đa dạng di truyền các dòng, giống điều hiện có tại Việt Nam và bước đầu phát hiện các chỉ thị phân tử (Molecular markers) nhằm hỗ trợ công tác chọn tạo giống điều có giá trị cao.	BM.CNSH	2004 2005
106.	TS. Phan Phước Hiền B2004-21-85 TĐ	Nghiên cứu chiết xuất và sử dụng các hoạt chất thứ cấp từ một số cây cỏ Việt Nam phục vụ sản xuất Nông nghiệp Thực phẩm và Y dược	HTQT	2004 2005

2005

107.	TS. Trần Thị Thanh B2005-21-86	Nghiên cứu thiết kế – chế tạo – khảo nghiệm máy nghiền răng	CK	1/2005 3/2006
108.	ThS. Nguyễn Văn Công Chính B2005-21-87	Nghiên cứu thiết kế chế tạo khảo nghiệm mô hình máy sấy gỗ kiểu sấy chân không	CK	1/2005 3/2006
109.	ThS. Lê Văn Bản B2005-21-88	Nghiên cứu và ứng dụng điều khiển tự động bằng PLC quá trình phối trộn nguyên liệu trong chế biến sản phẩm nông nghiệp	CK	1/2005 3/2006
110.	PGS.TS. Trịnh Công Thành B 2005-21-89	Xây dựng chỉ số chọn lọc dùng trong công tác chọn lọc và phối giống ở một số xí nghiệp chăn nuôi heo giống.	CNTY	1/2005 3/2006
111.	TS. Lâm Thu Hương B 2005-21-90	Nghiên cứu một số tác nhân vi sinh, ký sinh vật gây tiêu chảy trên bê con, và hiệu quả của một số thuốc điều trị	CNTY	1/2005 3/2006
112.	ThS. Trần Thanh Phong B2005-21-91	Phân lập và định type Escherichia coli (E.coli) trong nhóm E.coli sản sinh độc tố shiga (Shiga toxin producing E.coli = STEC) ở phân và thịt của heo, bò và phát hiện một số gen độc lực của E.coli bằng kỹ thuật multiplex – PCR	CNTY	1/2005 3/2006
113.	KS. Nguyễn Thị Kim Loan B2005-21-92	Khảo sát ảnh hưởng của số lần ăn, hàm lượng xơ và chất béo lên sức sinh sản của heo nái.	CNTY	1/2005 3/2006
114.	ThS. Nguyễn Tiến Thành B2005-21-93	Xây dựng và khảo sát sức sinh trưởng, sinh sản và phẩm chất thịt một dòng gà ta được chọn lọc và nhân thuần dựa vào kiểu hình màu sắc lông	CNTY	1/2005 3/2006
115.	ThS. Ngô Văn Ngọc B2005-21-94	Nghiên cứu xây dựng qui trình và thử nghiệm sản xuất giống nhân tạo cá lăng nha (<i>Mystus wyckioides</i>)	TS	1/2005 3/2006
116.	TS. Nguyễn Văn Ngãi B2005-21-95	Thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp vùng Đông Nam bộ.	KT	1/2005 3/2006
117.	ThS. Nguyễn Văn Năm B2005-21-96	Nghiên cứu đánh giá thực trạng và xây dựng mô hình hoạt động câu lạc bộ khuyến nông của nông dân ở 4 huyện ngoại thành thuộc thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Bè, Bình Chánh, Củ Chi và Hóc Môn.	KT	1/2005 3/2006
118.	TS. Hoàng Xuân Niên B2005-21-97	Nghiên cứu khả năng tạo ván dăm từ một số phế liệu nông nghiệp	LN	1/2005 3/2006
119.	TS. Nguyễn Văn Thêm B2005-21-98	Ứng dụng hàm lập nhóm trong phân loại cấp sinh trưởng cây rừng Thông ba lá (<i>Pinus kaysia</i>) đồng tuổi ở Lâm Đồng.	LN	1/2005 3/2006
120.	ThS. Vũ Thị Hồng Thủy B2005-21-99	Nghiên cứu tính khả thi của việc cải thiện hệ thống cấp nước sinh hoạt bằng sự sẵn lòng chi trả của cộng đồng trên địa bàn Tp. HCM	CNMT	1/2005 3/2006
121.	ThS. Phạm Trung Kiên B2005 -21-100	Nghiên cứu ứng dụng bể lắng xoáy (Vcone) để xử lý nước thải có nồng độ chất rắn lơ lửng cao - trường hợp nước thải xeo giấy và giặt tẩy.	CNMT	1/2005 3/2006

122.	KS. Kha Chấn Tuyền B2005-21-101	Đa dạng hoá các sản phẩm trà gói, trà túi lọc từ các nguyên liệu trái cây tận dụng và từ các loại rau thông dụng phục vụ cho đối tượng không sử dụng trà xanh	CNTP	1/2005 3/2006
123.	TS. Phạm Văn Hiền B2005-21-102	Nghiên cứu cải tiến hệ thống cây trồng cạn tại một số vùng đồng bào dân tộc tỉnh Đồng Nai	SĐH	1/2005 3/2006
124.	TS. Đoàn Huệ Dung B2005-21-103	Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	NN	1/2005 3/2006
125.	ThS. Võ Văn Việt B2005-21-104	Đánh giá tình hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng và sinh kế của nông hộ trên đại bàn xã Long Thuận Huyện Hồng Ngự Tỉnh Đồng Tháp	ĐT	1/2005 3/2006
126.	TS. Nguyễn Văn Kế B2005-21-105	Khảo nghiệm một số giống cây họ cam quýt sạch bệnh của Việt Nam và một số giống cam quýt nhập nội từ Thái Lan.	NH	1/2005 3/2006
127.	ThS. Trần Thị Dạ Thảo B2005-21-106	Điều tra kỹ thuật canh tác ngô và nghiên cứu các biện pháp làm tăng năng suất ngô ở các vùng sâu của khu vực Đông Nam Bộ	NH	1/2005 3/2006
128.	ThS. Võ Thị Thu Oanh B2005-21-107	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh của nấm <i>Beauveria</i> và <i>Metarhizium</i> ký sinh trên côn trùng gây hại	NH	1/2005 3/2006
129.	ThS. Trần Đình Lý B2005-21-108	Một số đề xuất hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính đối với các trường đại học khối Nông Lâm Ngư	KHTC	1/2005 3/2006
130.	ThS. Lý Văn Nhưng B2005-21-109	Thử nghiệm nuôi cừu thịt Phan Rang theo phương thức bán chăn thả tại khu vực miền Đông Nam Bộ	CNTY	1/2005 3/2006
131.	TS. Trịnh Trường Giang B2005 -21-110	Khảo sát tình hình ô nhiễm môi trường trên địa bàn quận Thủ Đức	CNMT	1/2005 - 2006
132.	TS. Phạm Văn Tính B2005-21-111	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ “Thin Client” để tái sử dụng các máy tính có cấu hình thấp cho giảng dạy công nghệ thông tin	CNTT	1/2005 3/2006
133.	TS. Lê Đình Đôn B2005-21-112TĐ	Xây dựng qui trình công nghệ sản xuất thử nghiệm chế phẩm vi sinh dùng trong phòng trừ bệnh hại cây trồng	CNSH	1/2005 3/2006
134.	PGS.TS. Bùi Cách Tuyền B2005-21-113TĐ	Nghiên cứu đánh giá thực trạng đội ngũ nhân lực tốt nghiệp (1975-2005) và nhu cầu đào tạo cán bộ từ các ngành đào tạo của Trường Đại học Nông Lâm TP.Hồ Chí Minh	BGH	1/2005 3/2006